

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Lê Văn Hóa¹; Phùng Thị Vân Kiều²

Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) từ năm 1995 với việc gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào tháng 7/1995. HNKTQT thời kỳ 1995 - 2022 đạt được những thành tựu như mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, tăng kim ngạch, mở rộng thị trường, chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu... Bên cạnh những kết quả đạt được, HNKTQT còn những tồn tại, hạn chế như pháp luật, chính sách còn thiếu và chưa đồng bộ, việc ứng phó với biến động và xử lý những tác động từ môi trường khu vực, quốc tế còn bị động...Bởi vậy, bài viết sẽ phân tích thực trạng HNKTQT, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả HNKTQT của Việt Nam đến năm 2030.

Từ khóa: Giải pháp; Hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT); Hiệp định Thương mại tự do (FTA); Việt Nam.

Việt Nam HNKTQT từ năm 1995. Tính đến ngày 31/12/2022, Việt Nam đã là thành viên của tất cả các tổ chức khu vực, quốc tế lớn (ASEAN, ASEM, APEC, WTO...), tham gia đàm phán 18 hiệp định thương mại tự do (FTA), ký kết và thực thi 15 FTA, có quan hệ thương mại song phương với 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, ký kết trên 90 hiệp định thương mại song phương (ký với Hoa Kỳ năm 2000), gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 hiệp định chống đánh thuế hai lần. 28 năm HNKTQT (1995 - 2022), kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu. HNKTQT là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước.

1. Thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam thời kỳ 1995 - 2022

1.1. Kết quả đạt được

HNKTQT của Việt Nam thời kỳ 1995 - 2022 đạt được các kết quả sau:

Thứ nhất, HNKTQT đã đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, giữ vững độc lập, chủ quyền, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

Việt Nam chủ động đàm phán, ký kết và thực thi các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới và đảm nhiệm vai trò Chủ tịch APEC (năm 2006 và năm 2017), Chủ tịch ASEAN (năm 2010 và năm 2020)... giúp Việt Nam phát huy tiếng nói trong các khuôn khổ đa phương, cùng các đối tác tham gia quá trình định hình các cấu trúc, xây dựng luật lệ kinh tế - thương mại phù hợp lợi ích chung. Vì vậy, HNKTQT đã đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các

¹ Cử nhân, Trưởng phòng Nghiên cứu chiến lược, chính sách thương mại - Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương

² Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng Nghiên cứu chiến lược, chính sách thương mại - Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương

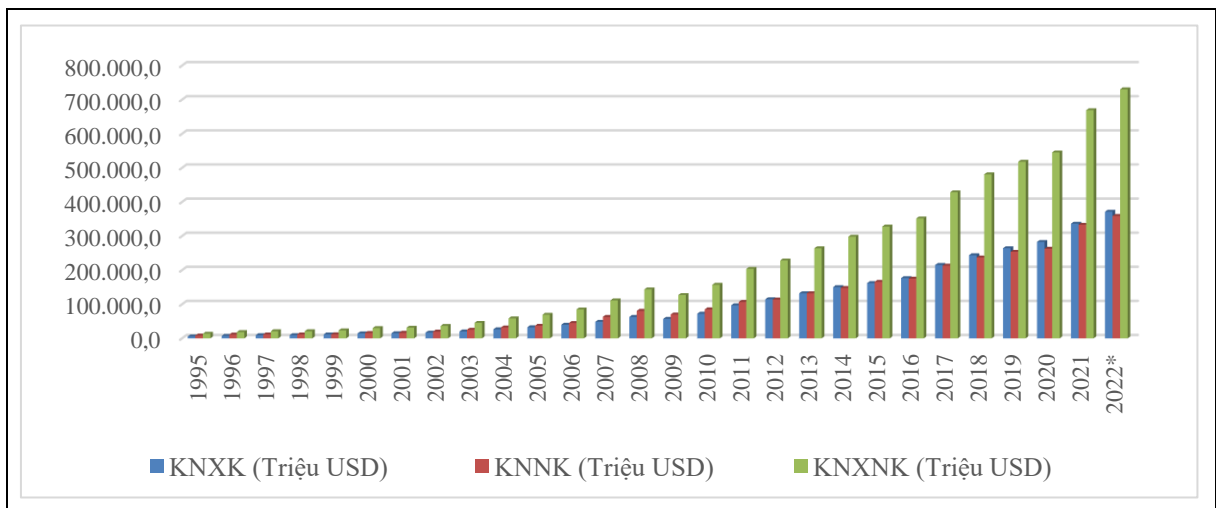
đổi tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Thứ hai, HNKTQT đã thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, tăng kim ngạch, mở rộng thị trường và chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu

HNKTQT là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, làm tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia. Việc mở cửa nền kinh tế trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng (GDP tăng bình quân 11,43%/năm) và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực (tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp), nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm.

HNKTQT đã góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Thời kỳ 1995 - 2022, Việt Nam thu hút được 39.313 dự án với tổng vốn đăng ký 541.149,4 triệu USD, tổng vốn thực hiện 269.227,4 triệu USD (chiếm 49,75% tổng vốn đăng ký). Số dự án và vốn thực hiện hàng năm có xu hướng gia tăng trong thời kỳ này, tăng từ 415 dự án với vốn thực hiện là 7.925,2 triệu USD năm 1995 lên 2.169 dự án với vốn thực hiện là 22.396 triệu USD năm 2022. Vốn FDI vào Việt Nam chiếm 22,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,16% GDP và 54,82% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

HNKTQT đã thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Quy mô xuất nhập khẩu hàng hóa tăng 53,67 lần trong thời kỳ 1995 - 2022, từ 13.604,3 triệu USD năm 1995 tăng lên 730.206,1 triệu USD năm 2022. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng bình quân 16,61%/năm.



**Hình 1. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam
thời kỳ 1995 - 2022**

*Nguồn: Số liệu của Tổng cục Thống kê; * Sơ bộ*

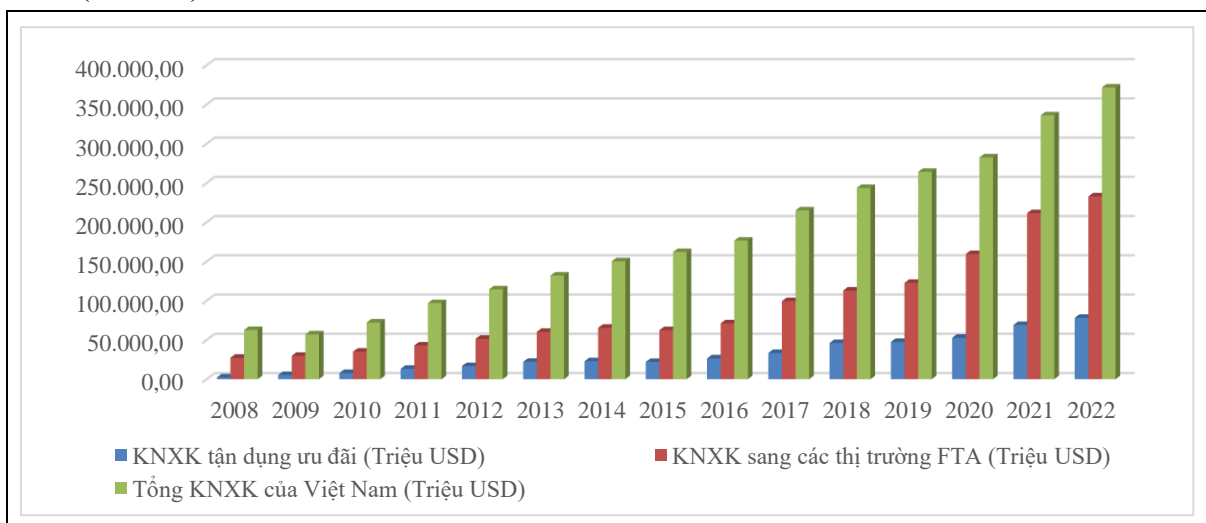
HNKTQT là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo hướng tích cực: Tăng tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp chế biến chế tạo từ 41,16% năm 2007 lên 85,99% năm 2022, giảm tỷ trọng nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản và nông lâm thủy sản từ

19,54% và 20,43% năm 2007 xuống còn 1,33% và 8,29% năm 2022. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, phù hợp với lộ trình thực hiện Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Tham gia các FTA, đặc biệt các FTA thế hệ mới giúp Việt Nam mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nhập khẩu. Thị trường xuất khẩu, nhập khẩu được mở rộng, không chỉ tăng cường ở các thị trường truyền thống mà còn khai thác được các thị trường mới, tiềm năng và tận dụng hiệu quả các FTA. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã vươn tới hầu hết các thị trường trên thế giới, nhiều sản phẩm đã dần có chỗ đứng vững chắc và nâng cao được khả năng cạnh tranh trên nhiều thị trường có yêu cầu cao về chất lượng như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ô-xtrây-li-a...

Thứ ba, Việt Nam đã tận dụng, khai thác có hiệu quả các cam kết mở cửa thị trường từ các FTA để phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa

Việc ký kết và thực thi 15 FTA, hàng hóa xuất nhập khẩu được hưởng ưu đãi từ 60 quốc gia (bao gồm hầu hết các đối tác thương mại lớn của Việt Nam). Doanh nghiệp và hàng hóa xuất khẩu Việt Nam đang dần nâng cao mức tận dụng ưu đãi thuế quan tại các thị trường có FTA. Kim ngạch sử dụng các loại C/O ưu đãi tăng từ 2.269,8 triệu USD (chiếm 8,31% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường ký FTA) năm 2008 lên 16.640,04 triệu USD (32,34%) năm 2012, lên 46.115,7 triệu USD (40,82%) năm 2018 và lên tới 78.276,9 triệu USD (33,61%) năm 2022.



Hình 1.2. Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam tận dụng ưu đãi từ các FTA thời kỳ 2008 - 2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan, Bộ Công Thương và tính toán của nhóm tác giả; Kim ngạch tận dụng ưu đãi của 15 FTA

Các FTA có tỷ lệ tận dụng ưu đãi cao trong năm 2022 như AIFTA (66,85%), VCFTA (64,57%), VN-EAEU FTA (54,44%), AFTA (39,21%), ACFTA (29,34%), AJCEP (26,93%)... Các mặt hàng có tỷ lệ tận dụng ưu đãi cao như giày dép, nhựa và sản phẩm nhựa, hàng dệt may, thủy sản, cao su và sản phẩm từ cao su, hạt tiêu, cà phê...

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, HNKTQT của Việt Nam thời kỳ 1995 - 2022 còn những tồn tại, hạn chế sau:

Thứ nhất, quá trình đổi mới ở trong nước, nhất là đổi mới, hoàn thiện thể chế, trước hết là hệ thống luật pháp, chính sách chưa được thực hiện một cách đồng bộ, chưa gắn chặt chẽ với yêu cầu hội nhập

Việc cải cách thể chế kinh tế trong nước vẫn chưa đáp ứng và theo kịp các yêu cầu của việc thực thi cam kết HNKTQT. Tuy nước ta đã có nhiều chính sách, pháp luật để hội nhập và thực hiện các cam kết trong khuôn khổ WTO và tham gia các FTA, song vẫn thiếu các chính sách cụ thể và hiệu quả để thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ lớn về phát huy nội lực, phát triển nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp trong nước, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ... nhằm phát huy hiệu quả của hội nhập, thúc đẩy quá trình tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc điều chỉnh chính sách thực hiện các cam kết HNKTQT trong nhiều trường hợp còn thiếu chủ động, chưa đồng bộ.

Thứ hai, năng lực thực thi HNKTQT của Việt Nam còn hạn chế, hiệu quả HNKTQT chưa cao

Năng lực thực thi HNKTQT của Việt Nam thời kỳ 1995 - 2022 còn hạn chế, việc tận dụng ưu đãi từ các FTA để phát triển thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài... còn thấp khi so sánh với các nước ASEAN khác. Chẳng hạn, mức tận dụng ưu đãi thuế quan từ các FTA để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa chiếm 33,61% kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường có FTA, trong khi tỷ lệ này của Nhật Bản và Hàn Quốc khoảng 80%, của Trung Quốc và các nước ASEAN-6 khoảng 70%. Các nước tham gia FTA cùng với Việt Nam không những khai thác và tận dụng rất hiệu quả những cơ hội và ưu đãi, mà còn có đối sách phù hợp để hạn chế các tác động bất lợi từ các FTA nhanh và hiệu quả cao, điển hình như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Thái Lan... Trong khi đó, năng lực thực thi đóng vai trò then chốt trong HNKTQT. Vì thế, hiệu quả HNKTQT của Việt Nam chưa cao.

Thứ ba, việc ứng phó với những biến động và xử lý những tác động từ môi trường khu vực và quốc tế còn bị động, lúng túng và chưa đồng bộ

Khả năng nhận định, đánh giá và dự báo xu thế HNKTQT chưa cao. Công tác tham mưu, xây dựng cơ chế nhận biết, cảnh báo sớm tác động trong các lĩnh vực hội nhập kinh tế trong bối cảnh Việt Nam đã hội nhập sâu vào kinh tế khu vực và thế giới nhìn chung còn yếu. Việc ứng phó với những biến động và xử lý những tác động từ môi trường khu vực và quốc tế còn bị động, lúng túng và chưa đồng bộ. Điều này đã được thấy qua ứng phó của Việt Nam trước tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, diễn biến của dịch Covid-19 đối với công tác điều hành xuất nhập khẩu, thu hút FDI... nên đã khiến cho kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2009 giảm 11,40% so với năm 2008, thu hút FDI năm 2020 giảm 35,02% số dự án, giảm 24,96% số vốn đăng ký, giảm 1,96% số vốn thực hiện so với năm 2019...

Nguyên nhân của những hạn chế trong HNKTQT:

- Kinh tế thế giới và liên kết kinh tế quốc tế diễn biến phức tạp, nhiều rủi ro, đan xen giữa các mảng màu “sáng”, “tối”. Tăng trưởng kinh tế, thương mại thế giới phục hồi chậm trong trung

hạn và quay lại đà tăng trưởng trong dài hạn. Xu hướng tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế và thực thi các FTA thế hệ mới, trong đó tiến trình khu vực hóa ngày càng đóng vai trò quan trọng và sẽ dần thay thế tiến trình toàn cầu hóa. Liên kết kinh tế quốc tế chịu ảnh hưởng mạnh từ điều chỉnh chính sách của các nước, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và sự phát triển của khoa học công nghệ.

- Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về HNKTQT có nơi, có lúc chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ, chậm được cụ thể hóa và thể chế hóa. HNKTQT còn bị tác động bởi cách tiếp cận ngắn hạn và cục bộ, do đó chưa tận dụng được hết các cơ hội và ứng phó hữu hiệu với các thách thức. Các cấp, ngành, tổ chức và cá nhân chưa nhận thức sâu sắc và chưa chủ động tận dụng các cơ hội và thách thức của hội nhập để chủ động ứng phó.

- Quy trình chính sách HNKTQT chưa được xây dựng và tổ chức thực hiện một cách khoa học dẫn đến tính khả thi thấp, trách nhiệm không rõ. Khả năng nhận định, đánh giá và dự báo xu thế HNKTQT chưa cao, việc xây dựng cơ chế nhận biết, cảnh báo sớm tác động trong các lĩnh vực hội nhập kinh tế còn yếu. Công tác tham mưu, tư vấn chính sách vẫn còn hạn chế trong việc phân tích, định hướng và dự báo những vấn đề về HNKTQT phát sinh.

- Công tác nghiên cứu, đánh giá, dự báo về các vấn đề mới của HNKTQT còn hạn chế, chưa thể hiện được vai trò tích cực trong việc giúp cho Việt Nam nắm bắt được cơ hội tăng cường hội nhập và hạn chế được các thách thức do tiến trình HNKTQT mang lại, chủ động ứng phó với thay đổi diễn ra trên trường quốc tế, giúp đất nước bước vào giai đoạn phát triển nhanh và bền vững.

- Quan điểm và nhận thức về HNKTQT, tham gia các FTA ở các ngành, các cấp còn có sự khác nhau, chưa thống nhất; Nhiều địa phương chủ động, tích cực HNKTQT. Bên cạnh đó, một số địa phương còn lúng túng trong việc triển khai công tác HNKTQT.

- Việc khai thác và tận dụng các cơ hội, thuận lợi từ HNKTQT và tự do hóa thương mại, đặc biệt là từ những cam kết trong các FTA Việt Nam đã ký kết để đẩy mạnh xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế.

2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đến năm 2030

Giai đoạn đến năm 2030, Hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; Cục diện đa cực ngày càng rõ nét; Tiến trình toàn cầu hóa đang đứng trước nhiều thách thức mới khi các diễn đàn đa phương (WTO, APEC, G20...) có sự tham gia của một số siêu cường kinh tế bộc lộ không ít bất đồng và gặp khó khăn trong việc tìm tiếng nói chung; Toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và thành thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp; Sau hơn 30 năm đổi mới, thế và lực của nước ta lớn mạnh hơn nhiều; Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ngày càng đi vào thực chất... Bối cảnh quốc tế và trong nước sẽ tạo ra cơ hội lẫn thách thức ảnh hưởng đến tiến trình HNKTQT của Việt Nam giai đoạn đến năm 2030.

Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đến năm 2030:

(1) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách để thực hiện đầy đủ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình đã đề ra. Trong việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành cần đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, duy trì ổn định môi trường đầu tư, kinh doanh, không gây xáo trộn, ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp đang hoạt động cũng như các nhà đầu tư mới; Cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp lý, hướng tới hài hòa hóa chính sách với các cam kết quốc tế.

- Kịp thời rà soát, sửa đổi, điều chỉnh, xóa bỏ quy định không phù hợp với các cam kết quốc tế nhằm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong các điều ước quốc tế song phương, khu vực và đa phương mà Việt Nam là thành viên; Đồng thời, xem xét điều chỉnh các điều kiện đầu tư, kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực tuy không cam kết mở cửa, hoặc cam kết chặt chẽ hơn quy định pháp luật hiện hành nhưng phù hợp với nhu cầu phát triển và định hướng thu hút đầu tư của nước ta.

(2) Tổ chức thực thi hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế

- Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết gia nhập WTO và cam kết trong các FTA. Rà soát, đánh giá lộ trình thực hiện cam kết hội nhập hiện nay và tác động đối với từng ngành để điều chỉnh chiến lược phát triển ngành cho phù hợp. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước chủ động khai thác tối đa thị trường nội địa, tận dụng tốt cơ hội mà việc tham gia WTO và các FTA đem lại để thâm nhập, khai thác thị trường ngoài nước. Triển khai Hiệp định thuận lợi hóa thương mại của WTO, Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại.

- Thực hiện và khai thác hiệu quả các FTA có hiệu lực. Tiến hành rà soát, hoàn thiện cơ chế điều phối thực thi cam kết FTA đối với các lĩnh vực cụ thể theo hướng thiết thực và hiệu quả hơn; Bảo đảm lợi ích quốc gia và việc thực thi nghiêm túc các FTA; Đánh giá kịp thời các vấn đề phát sinh và kiến nghị giải pháp tháo gỡ; Nâng cấp Cổng thông tin điện tử về FTA để đem lại lợi ích cao hơn cho cộng đồng doanh nghiệp.

- Các Bộ, ngành, địa phương tích cực triển khai các Nghị quyết, Chương trình hành động của Chính phủ về HNKTQT; Rà soát, đánh giá các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế để rút kinh nghiệm cho giai đoạn mới; Đẩy mạnh việc hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, chính sách HNKTQT và các cam kết của Việt Nam ở các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế trong việc phối hợp liên ngành, tăng cường hơn nữa việc kết nối, điều phối, điều hành tập trung, thống nhất giữa hoạch định chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế với triển khai đàm phán và thực thi các cam kết hội nhập. Đôn đốc và giám sát các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực thi hiệu quả các cam kết HNKTQT.

- Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng phương án và tổ chức thực thi các cam kết HNKTQT; Gắn việc điều hành tập trung, thống

nhất giữa hoạch định chiến lược HNKTQT với triển khai, đàm phán và thực thi các cam kết hội nhập.

(3) Tăng cường hợp tác với các đối tác

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong khuôn khổ hợp tác đa phương, khu vực và song phương. Tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các khuôn khổ hợp tác quốc tế mà Việt Nam là thành viên như WTO, ASEAN, ASEM, APEC...; Chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi; củng cố và nâng cao vai trò của Việt Nam trong cộng đồng khu vực và quốc tế, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế.

- Phối hợp chặt chẽ với các thành viên APEC và ASEM trong các vấn đề hợp tác chính sách, xây dựng các sáng kiến và định hướng hợp tác trong giai đoạn mới hậu Covid-19 và tham gia chủ động, tích cực tại các hội nghị trực tuyến nhằm đảm bảo sự hợp tác xuyên suốt, hiệu quả.

(4) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thuế, hải quan, hỗ trợ doanh nghiệp

- Các Bộ, ngành, địa phương cần triển khai các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình hội nhập và thực hiện các cam kết về HNKTQT, kịp thời lắng nghe ý kiến và phản hồi của các doanh nghiệp về các vấn đề chính sách, vướng mắc trong HNKTQT và trong quá trình đàm phán, thực thi các FTA.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thuế và hải quan để góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Đơn giản hóa, hiện đại hóa hoạt động cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O): Tổ chức thực hiện và theo dõi triển khai việc phân luồng doanh nghiệp trong quy trình cấp C/O ưu đãi; Đẩy mạnh cấp C/O qua Internet.

(5) Tăng cường công tác thông tin hội nhập

- Tăng cường công tác nghiên cứu, đánh giá, dự báo về các vấn đề mới của HNKTQT, nhất là xu hướng thay đổi cấu trúc dòng thương mại và đầu tư, tình hình kinh tế thương mại thế giới nhằm giúp cho Việt Nam nắm bắt được cơ hội tăng cường hội nhập và hạn chế được các thách thức do tiến trình HNKTQT mang lại, chủ động ứng phó với thay đổi diễn ra trên trường quốc tế, giúp đất nước bước vào giai đoạn phát triển nhanh và bền vững.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin thông qua nhiều hình thức về các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đang tham gia, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa; Tổ chức tập huấn cho các cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước các cấp và cộng đồng DN về các cam kết cụ thể có liên quan, bảo đảm hiểu rõ, hiểu đúng, từ đó thực thi các hiệp định FTA thế hệ mới đầy đủ, hiệu quả.

- Tăng cường công tác thông tin của hệ thống thương vụ Việt Nam tại nước ngoài để cung cấp cho doanh nghiệp các phân tích, dự báo tình hình thị trường cũng như pháp luật, chính sách và tập quán buôn bán đặc thù của từng khu vực thị trường.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác thông tin về HNKTQT, tuyên truyền phổ biến các FTA, các cam kết hội nhập tới mọi thành phần trong xã hội, đặc biệt tới các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp dưới nhiều hình thức khác nhau (Hội nghị, hội thảo, tập huấn, công thông tin điện

từ, mạng xã hội, báo chí...) nhằm tận dụng hiệu quả ưu đãi từ các FTA nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh trên các thị trường khu vực và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương (2021), *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2020*, Hà Nội - 2021.
2. Nguyễn Tiên Hậu (2018), “Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế”, <https://tapchitaichinh.vn/>, đăng ngày 04/10/2018.
3. Phạm Vũ Quang Huy (Chủ nhiệm), *Định hướng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, Hà Nội - năm 2021.
4. Dương Duy Hưng (2020), *Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu chủ động hội nhập quốc tế, chính sách đối ngoại, xuất - nhập khẩu giai đoạn 2011 - 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch 5 năm 2021 - 2025*, Báo cáo tổng hợp chuyên đề số 20, Hà Nội - tháng 5/2020.
5. Lê Bộ Lĩnh (2019), “Một số vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam”, <https://tcnn.vn/>, đăng ngày 02/5/2019.
6. Website của Tổng cục Hải quan Việt Nam <http://www.customs.gov.vn/>
7. Website của Tổng cục Thống kê Việt Nam <http://www.gso.gov.vn/>